

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Y
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ – ST

Ngày 28/9/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân.
2. Ông Nguyễn Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc: “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Mai C, sinh năm 1984.

Trú tại: tổ 39, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Hải T, sinh năm 1985.

ĐKNKTT: Tổ 39, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên lạc: tổ 116, Nguyễn Huy T, phường H, quận L, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2018; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Bùi Thị Mai C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Hải T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 08/12/2012 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T. Vì điều kiện bận công việc nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái không hòa giải và xét xử vắng mặt tôi.

Về con chung: Tôi và anh Trần Hải T có một con chung là cháu Trần Phương U sinh ngày 31/8/2013. Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản và nợ chung : Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hải T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày: Về quan hệ hôn nhân Tôi và chị Bùi Thị Mai C kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên tôi đã đi làm ăn xa từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị C xin ly hôn tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Tôi và chị C có một con chung là cháu Trần Phương U sinh ngày 31/8/2013. Chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu tôi phải cấp dưỡng hàng tháng tôi đồng ý.

Về tài sản, nợ chung: Tôi và chị C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Mai C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” giữa chị C và anh Trần Hải T cư trú tại tổ 39, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Chị C, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mai C và anh Trần Hải T có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 và không quan tâm đến nhau. Chị C, anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3]. Về con chung: Chị C, anh T có một con chung là cháu Trần Phương U sinh ngày 31/8/2013. Xét thấy hiện nay cháu Uyên đang có cuộc sống ổn định cùng chị C nên giao cháu U cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

Về tài sản và công nợ chung: Chị C, anh T xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Các vấn đề khác.

- Về án phí : Chị Bùi Thị Mai C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Chị C, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mai C được ly hôn anh Trần Hải T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phương U sinh ngày 31/8/2013 cho chị Bùi Thị Mai C trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Anh Trần Hải T không phải cấp dưỡng, anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Mai C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000624 ngày 16/7//2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái (Chị C đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Mai C và anh Trần Hải T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Yên Ninh;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hòa

